

Bản án số: 232 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-6-2019

“V/v Tranh chấp ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Dân

Bà Trần Thị Quế Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95 /2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu N**, sinh năm: 1990 (**Có mặt**)

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp A, xã An H, huyện C, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1984 (**Vắng mặt**)

Nơi cư trú: Tổ 24, ấp A, xã An H, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 19/10/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Văn C kết hôn vào năm 2006, hôn nhân xây dựng trên cơ sở do quen biết, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống với gia đình cha mẹ chồng. Đến năm 2009, chị và anh C cất nhà ra riêng cất trên đất cha mẹ chồng cho. Đến năm 2012 chị và anh C lên tỉnh Bình Dương làm công nhân sinh sống. Vợ

chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên gia đình trong việc làm ăn, tiền bạc. từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa, nên vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Vào tháng 11 năm 2017 chị có nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn C tại Tòa án nhân dân huyện C. Qua hòa giải, chị đã rút đơn cho anh C cơ hội hàn gắn, nhưng sau đó luôn bất đồng trong cuộc sống, trong tình cảm vợ chồng ngày càng nhiều, không thể hàn gắn được. Từ tháng 8 năm 2018 chị và anh C ly thân nhau cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Văn C có 3 con chung tên là Nguyễn Văn C, sinh ngày 30/9/2007, Nguyễn Văn C1, sinh ngày 11/8/2009, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 29/10/2011. Hiện tại các cháu đang sống với anh C và ông bà nội. Tại đơn khởi kiện ly hôn chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa hôm nay chị đồng ý giao 03 đứa con cho anh C nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Nguyễn Văn C vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của chị N. Tòa án cũng tiến hành xác minh lấy lời khai của anh C nhưng anh C vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được. Qua xác minh tại địa phương thì anh C còn hộ khẩu thường trú tại tổ 24, ấp A, xã An H, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. **Về nội dung vụ án:** Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N, cho chị N ly hôn với anh C. Về con chung: Đề nghị giao cháu C, cháu C1 cháu Y cho anh C nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Văn C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện C tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn

phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn C theo quy định pháp luật

2] Về nội dung:

[2.1] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Văn C kết hôn vào năm 2006, hôn nhân xây dựng trên cơ sở do quen biết, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo chị N trình bày sau khi cưới thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống, xảy ra mâu thuẫn giữa hai bên gia đình trong việc làm ăn, tiền bạc..từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau nữa, nên vợ chồng luôn bất hòa, gia đình không còn êm ấm. Từ tháng 8 năm 2018 chị và anh C ly thân nhau cho đến nay. Xét thấy với thời gian dài chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Vào tháng 11 năm 2017 chị có nộp đơn ly hôn anh C đến Tòa án nhân dân huyện C, qua hòa giải, chị đã rút đơn cho anh C cơ hội hàn gắn. Tuy nhiên sau thời gian rút đơn nhưng giữa chị và anh C vẫn phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được dẫn đến vợ chồng ly thân nhau. Thời gian ly thân hai bên cũng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Theo xác minh bà Nguyễn Thị V (là mẹ ruột anh C) cho biết giữa chị N và anh C đã xảy ra mâu thuẫn trong thời gian đi làm công nhân xa nhà, do không ở gần bà nên bà không biết nguyên nhân cụ thể nhưng bà cho biết thêm là khi Tòa án gửi giấy mời thì C có biết và cũng đồng ý ly hôn nhưng do bận công việc ở xa không đến Tòa được. Hiện tại chị N xác định không còn tình cảm với anh C, tại tòa chị vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị N và anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điều 56 của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Thu N và anh Nguyễn Văn C có 3 con chung tên là Nguyễn Văn C , sinh ngày 30/9/2007, Nguyễn Văn C1 sinh ngày 11/8/2009, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 29/10/2011. Hiện tại các cháu đang sống với anh C và ông bà nội. Tại đơn khởi kiện ly hôn chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa hôm nay chị thay đổi yêu cầu chị đồng ý giao 03 đứa con cho anh C nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Theo xác minh bà Nguyễn Thị V (là mẹ ruột anh C) cho biết anh C cũng có nguyện vọng nuôi các con. Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai các cháu C , cháu C1, cháu Như Y ngày 22/5/2019 thì cũng có nguyện vọng muốn sống với anh C và ông bà nội sau khi cha mẹ ly hôn. Xét thấy từ nhỏ đến nay các cháu đều sống chung với anh C , được anh C và gia đình chăm sóc, cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu, nghĩ nên để anh C được tiếp tục nuôi cháu C , cháu C1, cháu Như Y là phù hợp. Chị Nguyễn Thị Thu N thì không cấp dưỡng nuôi con còn anh C thì không có ý kiến. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, dành cho anh C quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi anh

C có yêu cầu. Anh C phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị N được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi chị thực hiện quyền này.

[2.4] **Về tài sản và nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Thu N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[2.5] **Về án phí:** Do yêu cầu của Chị Nguyễn Thị Thu N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu N. Chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 186 ngày 23/11/2009 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. **Về nuôi con chung:** Anh Nguyễn Văn C được tiếp tục nuôi dưỡng 3 con chung tên là Nguyễn Văn C sinh ngày 30/9/2007, Nguyễn Văn C1 sinh ngày 11/8/2009, Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 29/10/2011. Chị Nguyễn Thị Thu N không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành cho anh C quyền khởi kiện cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện khác khi anh C có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn C phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị N được quyền tới lui chăm sóc cháu C, cháu C1, cháu Như Y, không ai được cản trở khi chị N thực hiện quyền này.

3. **Về tài sản và nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Thu N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

4. **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014149 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. **Về kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Thu N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2019). Anh Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung